

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/02/2021

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Hữu Lộc.

+ Ông Phan Thanh Long.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp: “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Văn L, SN: 1994

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh BĐ.

- *Bị đơn*: Chị Thái Thị Diễm M, SN: 1995

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh BĐ.

(*Anh L có mặt, chị M vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Phạm Văn L trình bày:*

Anh với chị Thái Thị Diễm M tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P ngày 03/3/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị M rất căng thẳng và cũng từ thời gian này chị M đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột chị My ở thôn Đ, xã T, huyện P sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay anh nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Thái Thị Diễm M.

Giữa anh với chị Thái Thị Diễm M chưa có con chung nên khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung.

Tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng anh không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Thái Thị Diễm M vắng mặt.*

** Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Bản gốc giấy chứng nhận kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu, giấy CMND mang tên Phạm Văn L.

- Bị đơn giao nộp cho tòa: Bị đơn vắng mặt nên không giao nộp chứng cứ cho Tòa.

- Chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai anh L, biên bản xác minh ông Thái Xuân P (là cha ruột chị M).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Phạm Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Thái Thị Diễm M. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của anh L được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn chị Thái Thị Diễm M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng chị M đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Anh Phạm Văn L với chị Thái Thị Diễm M tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2017 tại UBND xã T, huyện P nên quan hệ hôn nhân giữa anh L với chị M được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn anh Phạm Văn L trình bày, sau khi kết vợ chồng sinh sống hạnh phúc tại gia đình của anh ở thôn C, xã T, huyện P. Đến tháng 3 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị M rất căng thẳng và cũng từ thời gian này chị M đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột chị M ở thôn Đ, xã T, huyện P sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Thái Thị Diễm M.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra anh Phạm Văn L với chị Thái Thị Diễm M phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ tháng 3 năm 2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị M. Đối với bị đơn chị Thái Thị Diễm M nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng chị M đều vắng mặt. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh ông Thái Xuân P là cha ruột của chị M thì được biết chị M hiện nay đang cư trú và sinh sống cùng với gia đình của ông ở thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh BD. Gia đình chị M cho biết chị M với anh L không sống chung với nhau từ tháng 3/2019 cho đến nay. Việc chị M không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án nên chị M phải chịu hậu quả pháp lý từ việc không chấp hành sự triệu tập của Tòa án. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa anh L với chị M đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Thái Thị Diễm M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51,

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L.

[2.4]. Về con chung:

Anh Phạm Văn L với chị Thái Thị Diễm M chưa có con chung nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, anh Phạm Văn L phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của anh L kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chị Thái Thị Diễm M vắng mặt nên chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn L về việc yêu cầu ly hôn chị Thái Thị Diễm M.

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn L được ly hôn chị Thái Thị Diễm M.

[1.2]. Về quan hệ con chung: Anh Phạm Văn L với chị Thái Thị Diễm M chưa có con chung nên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung.

[1.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2]. Án phí DSST:

+ Án phí ly hôn: Anh Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Tuy nhiên, anh L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 000..... ngày 16/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nay được khấu trừ.

[3]. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BD;
- VKSND huyện P(02b);
- Chi cục THA DS huyện P;
- UBND xã T, huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh